

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 40

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11, Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 24 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Đặng Kiện Phương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 11540875/68616286

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) được lập ngày 24 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

ERNST & YOUNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.173.298.405.644	7.388.917.787.512
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.712.832.339.068	1.355.630.787.362
111	1. Tiền		338.769.495.658	136.989.796.846
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.374.062.843.410	1.218.640.990.516
120	II. Đầu tư ngắn hạn	5	681.448.455.000	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		772.336.660.000	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(90.888.205.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.214.251.843.387	2.591.305.155.134
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	3.008.158.878.176	2.175.217.317.911
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	87.505.230.544	81.122.409.635
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	101.450.825.241	295.489.850.231
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	19.901.913.850	41.395.690.663
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(2.765.004.424)	(1.920.113.306)
140	IV. Hàng tồn kho	9	4.256.474.414.448	3.234.217.020.563
141	1. Hàng tồn kho		4.390.361.063.667	3.360.560.118.752
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(133.886.649.219)	(126.343.098.189)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		308.291.353.741	207.764.824.453
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	16.938.277.823	17.760.882.947
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15	290.242.666.097	189.313.737.701
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.110.409.821	690.203.805
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		758.590.192.854	809.512.734.587
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		13.244.678.567	13.893.155.431
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	13.244.678.567	13.893.155.431
220	II. Tài sản cố định		123.666.031.096	138.039.935.832
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	53.592.476.863	63.228.307.485
222	Nguyên giá		108.196.137.631	107.620.428.414
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(54.603.660.768)	(44.392.120.929)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	70.073.554.233	74.811.628.347
228	Nguyên giá		85.926.666.484	85.926.666.484
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.853.112.251)	(11.115.038.137)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	475.451.749.995	532.926.784.630
251	1. Đầu tư vào công ty con		452.637.988.912	628.995.750.000
253	2. Đầu tư vào đơn vị khác		40.233.974.607	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(17.420.213.524)	(96.068.965.370)
260	V. Tài sản dài hạn khác		146.227.733.196	124.652.858.694
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	11.287.531.318	13.646.620.976
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	134.940.201.878	111.006.237.718
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.931.888.598.498	8.198.430.522.099

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.515.780.619.797	5.207.768.578.779
310	I. Nợ ngắn hạn		7.511.246.990.370	5.205.234.949.352
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	3.473.883.046.016	2.215.202.145.037
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	268.604.293.557	133.819.882.215
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	31.262.928.724	41.320.395.376
314	4. Phải trả người lao động		30.158.411.816	24.971.951.644
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	432.483.797.296	332.600.299.949
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	564.002.834.986	25.471.301.184
320	7. Vay ngắn hạn	18	2.710.851.677.975	2.431.848.973.947
330	II. Nợ dài hạn		4.533.629.427	2.533.629.427
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	4.533.629.427	2.533.629.427
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.416.107.978.701	2.990.661.943.320
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	3.416.107.978.701	2.990.661.943.320
411	1. Vốn cổ phần		2.213.201.690.000	2.193.201.690.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.213.201.690.000	2.193.201.690.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		61.233.761.416	61.233.761.416
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.272.937.166)	(6.272.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.147.545.464.451	742.099.429.070
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		632.515.079.070	299.906.801.534
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		515.030.385.381	442.192.627.536
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		10.931.888.598.498	8.198.430.522.099

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2026



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đặng Kiện Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	25.577.925.155.748	21.149.689.158.718
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(607.569.160.801)	(497.127.548.465)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	24.970.355.994.947	20.652.561.610.253
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(23.009.799.183.209)	(18.900.573.936.080)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.960.556.811.738	1.751.987.674.173
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	268.643.749.178	202.089.345.812
22	7. Chi phí tài chính	23	(308.526.124.565)	(139.403.675.856)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(135.112.093.534)	(89.925.940.519)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(1.143.308.232.718)	(1.122.414.397.754)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(144.323.147.466)	(133.273.673.437)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		633.043.056.167	558.985.272.938
31	11. Thu nhập khác	24	25.913.054.557	1.934.856.129
32	12. Chi phí khác	24	(12.013.169.825)	(6.221.154.464)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		13.899.884.732	(4.286.298.335)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		646.942.940.899	554.698.974.603
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(155.846.519.678)	(131.560.599.364)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	23.933.964.160	19.054.252.297
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		515.030.385.381	442.192.627.536

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2026



Trần Quốc Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng





Đặng Kiện Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		646.942.940.899	554.698.974.603
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	15.167.489.942	11.622.252.972
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		99.276.647.148	(13.506.801.663)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.599.512.194)	445.700.573
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(69.758.550.130)	(64.653.236.559)
06	Chi phí lãi vay	23	135.112.093.534	89.925.940.519
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		825.141.109.199	578.532.830.445
09	Tăng các khoản phải thu		(919.199.559.232)	(588.605.718.563)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.030.337.841.257)	(393.557.336.479)
11	Tăng các khoản phải trả		2.036.555.920.616	444.511.167.473
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		3.181.694.782	(10.477.259.020)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(772.336.660.000)	-
14	Lãi vay đã trả		(131.017.987.100)	(92.017.986.081)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(165.993.434.196)	(115.547.475.619)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(154.006.757.188)	(177.161.777.844)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(256.688.864)	(42.043.310.109)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	3.182.576.841
23	Tiền chi cho vay		(357.648.468.892)	(599.605.190.051)
24	Tiền thu hồi cho vay		551.687.493.882	564.175.339.820
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(35.400.000.000)	(24.050.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		32.800.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		73.407.618.740	56.547.535.118
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		264.589.954.866	(41.793.048.381)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	19.1	20.000.000.000	20.000.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(30.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	18	12.894.842.006.433	11.245.593.099.866
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(12.558.639.302.405)	(11.018.545.361.374)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(109.584.350.000)	(83.526.637.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		246.618.354.028	163.491.101.492

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

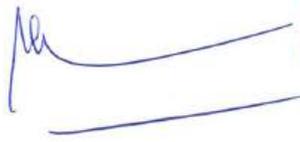
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		357.201.551.706	(55.463.724.733)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.355.630.787.362	1.410.796.874.354
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	297.637.741
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	1.712.832.339.068	1.355.630.787.362

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2026



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đặng Kiện Phương
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("SKHĐT") cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 486 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 475).



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2024: hai (2) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết gián tiếp) như sau:

Công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Lợi ích biểu quyết %	Quyền quyết %	Lợi ích biểu quyết %	Quyền quyết %
Công ty con trực tiếp						
(1) Công ty TNHH Nexta Capital ("Nexta") (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	100	100	-	-
(2) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X")	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	90	90	90	90
(3) Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture ("Venture") (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	19	19	100	100
Công ty con gián tiếp						
(1) Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology ("1 Digital")	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử	100	100	100	100
(2) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L ("C.L")	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	99,15	99,15	99,15	99,15
(3) Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina ("Bellvina")	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	76,99	76,99	76,99	76,99
(4) Công ty TNHH Một Thành Viên Dpharma ("Dpharma")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối dược phẩm	100	100	100	100
(5) Công ty Cổ phần Achison ("Achison")	Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn và mua bán giải pháp bảo hộ lao động	76,99	76,99	75	75
(6) Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	90	90	90	90

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2024: hai (2) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết gián tiếp) như sau (tiếp theo):

Công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Lợi ích biểu quyết %	Quyền biểu quyết %	Lợi ích biểu quyết %	Quyền biểu quyết %
Công ty con gián tiếp (tiếp theo)						
(7) Công ty Cổ phần Việt Money Holdings ("Viet Money Holdings") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	19	19	79,12	79,12
(8) Công ty Cổ phần Việt Money ("Viet Money") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ cầm đồ	19	19	79,12	79,17
(9) Công ty TNHH MTV Giải pháp Bất động sản Việt Land ("Viet Land") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	19	19	79,12	79,12
(10) Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Việt Technologies ("Viet Technologies") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, gia công phần mềm	19	19	79,12	79,12
Công ty liên kết gián tiếp						
(1) Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín ("Đại Tín")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối dược phẩm	36	36	36	36

(i) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Venture hoàn thành việc chia tách công ty thành 2 công ty bao gồm Venture và Nexta theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2025. Theo đó, Venture sẽ chuyển một phần vốn điều lệ cùng tài sản, quyền và nghĩa vụ tương ứng để thành lập công ty mới là Nexta.

Sau khi chia tách công ty, Nexta sở hữu 1 Digital, C.L, Bellvina, Dpharma, Achison và Đại Tín. Venture sở hữu Viet Money Holdings, Viet Money, Viet Land và Viet Technologies.

(ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 09A/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% phần vốn góp của Công ty tại Venture. Theo đó, Venture và các công ty con của Venture không còn là công ty con của Công ty tại ngày này.

(iii) Đây là các công ty con của Venture.

(iv) Đây là công ty con của B2X.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đến ngày 24 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	21 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	2 – 6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	69.379.000	86.423.000
Tiền gửi ngân hàng	338.700.116.658	136.903.373.846
Các khoản tương đương tiền (*)	1.374.062.843.410	1.218.640.990.516
TỔNG CỘNG	1.712.832.339.068	1.355.630.787.362

(*) Các khoản tương đương tiền vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu ngân hàng trị giá 1.374.062.843.410 VND. Các khoản đầu tư này được cam kết mua lại bởi các công ty chứng khoán trong khoảng thời gian dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 6,03%/năm đến 7,7%/năm. Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty đã bán các khoản đầu tư vào trái phiếu này.

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:		
Cần trừ theo Thỏa thuận Giải quyết các khoản vay	57.200.000.000	-

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	772.336.660.000	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(90.888.205.000)	-
TỔNG CỘNG	681.448.455.000	-

Số cuối năm thể hiện giá trị gốc của khoản đầu tư cổ phiếu vào các công ty niêm yết với mục đích kinh doanh như sau:

	VND		
	Số cuối năm		Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	286.012.710.000	233.830.000.000	(52.182.710.000)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	246.935.800.000	233.640.000.000	(13.295.800.000)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	133.475.990.000	119.757.000.000	(13.718.990.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	40.391.545.000	38.830.000.000	(1.561.545.000)
Khác	65.520.615.000	55.391.455.000	(10.129.160.000)
TỔNG CỘNG	772.336.660.000	681.448.455.000	(90.888.205.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	2.978.823.819.973	2.108.275.975.887
- Công ty Cổ phần Thế giới Di động	774.511.088.750	492.303.764.723
- Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	184.820.334.877	54.729.075.199
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xây dựng Kỹ thuật Diệu Phúc	175.089.046.147	62.244.081.242
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	146.126.468.880	20.295.000.000
- Khác	1.698.276.881.319	1.478.704.054.723
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	29.335.058.203	66.941.342.024
TỔNG CỘNG	3.008.158.878.176	2.175.217.317.911
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.765.004.424)	(1.920.113.306)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.005.393.873.752	2.173.297.204.605

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam	61.007.442.221	45.605.023.322
Acer Incorporated	14.389.385.970	15.278.457.277
HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	8.913.275.152	7.999.686.608
Khác	3.195.127.201	12.239.242.428
TỔNG CỘNG	87.505.230.544	81.122.409.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	15.492.391.908	295.489.850.231
Phải thu bên khác	85.958.433.333	-
TỔNG CỘNG	<u>101.450.825.241</u>	<u>295.489.850.231</u>

Chi tiết phải thu về cho vay tín chấp ngắn hạn như sau:

Bên vay	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất
	VND		%/ năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	15.492.391.908	Từ ngày 28 tháng 6 năm 2026 đến ngày 17 tháng 12 năm 2026	Từ 5,3 đến 6
Công ty Cổ phần Việt Money (*)	<u>85.958.433.333</u>	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2026 đến ngày 1 tháng 12 năm 2026	Từ 10 đến 12
TỔNG CỘNG	<u>101.450.825.241</u>		

(*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 09A/2025/NQ-HĐQT của Công ty, HĐQT của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture ("Venture") cho nhà đầu tư khác, với giá phí là 90.000.000.000 VND. Vào ngày 25 tháng 4 năm 2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 cập nhật thay đổi về chủ sở hữu của Venture. Theo đó, Venture và các công ty con của Venture, bao gồm Công ty Cổ phần Việt Money, không còn là công ty con của Nhóm Công ty.

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	19.901.913.850	41.395.690.663
Phải thu lãi trái phiếu dự thu, cho vay	7.028.166.954	7.802.200.929
Đặt cọc, ký quỹ	1.036.778.288	1.182.121.443
Tạm ứng cho nhân viên	644.236.392	681.329.992
Chiết khấu thương mại từ nhà cung cấp	-	21.230.717.116
Khác	11.192.732.216	10.499.321.183
Dài hạn	13.244.678.567	13.893.155.431
Đặt cọc, ký quỹ	13.244.678.567	13.893.155.431
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>33.146.592.417</u>	<u>55.288.846.094</u>
Trong đó:		
Phải thu bên khác	29.404.135.313	51.546.388.990
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	3.742.457.104	3.742.457.104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	3.378.752.635.690	2.721.833.347.935
Hàng mua đang đi đường	983.128.213.467	611.394.037.807
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.223.207.913	27.332.733.010
Hàng gửi đi bán	7.257.006.597	-
TỔNG CỘNG	4.390.361.063.667	3.360.560.118.752
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(133.886.649.219)	(126.343.098.189)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.256.474.414.448	3.234.217.020.563

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	126.343.098.189	126.478.296.819
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	200.484.084.025	138.439.676.501
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(192.940.532.995)	(138.574.875.131)
Số cuối năm	133.886.649.219	126.343.098.189

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	16.938.277.823	17.760.882.947
Chi phí hoạt động	10.930.828.892	11.686.183.641
Chi phí thuê	5.996.440.418	5.953.482.479
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.008.513	121.216.827
Dài hạn	11.287.531.318	13.646.620.976
Chi phí hoạt động	9.703.466.527	11.091.023.690
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.584.064.791	2.555.597.286
TỔNG CỘNG	28.225.809.141	31.407.503.923

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	41.968.230.735	5.758.428.509	55.342.849.696	4.550.919.474	107.620.428.414
Mua mới	-	-	-	793.585.206	793.585.206
Xóa sổ	-	(52.575.989)	-	(165.300.000)	(217.875.989)
Số cuối năm	41.968.230.735	5.705.852.520	55.342.849.696	5.179.204.680	108.196.137.631
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	5.310.658.076	6.998.477.099	2.754.307.140	15.063.442.315
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(13.347.636.151)	(5.486.125.766)	(22.346.925.321)	(3.211.433.691)	(44.392.120.929)
Khấu hao trong năm	(1.685.007.104)	(68.427.141)	(8.106.875.673)	(569.105.910)	(10.429.415.828)
Xóa sổ	-	52.575.989	-	165.300.000	217.875.989
Số cuối năm	(15.032.643.255)	(5.501.976.918)	(30.453.800.994)	(3.615.239.601)	(54.603.660.768)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	28.620.594.584	272.302.743	32.995.924.375	1.339.485.783	63.228.307.485
Số cuối năm	26.935.587.480	203.875.602	24.889.048.702	1.563.965.079	53.592.476.863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy tính	VND
				Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm và số cuối năm	57.382.176.180	28.544.490.304		85.926.666.484
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	9.295.689.512		9.295.689.512
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	(11.115.038.137)		(11.115.038.137)
Hao mòn trong năm	-	(4.738.074.114)		(4.738.074.114)
Số cuối năm	-	(15.853.112.251)		(15.853.112.251)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	57.382.176.180	17.429.452.167		74.811.628.347
Số cuối năm	57.382.176.180	12.691.378.053		70.073.554.233

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con trực tiếp						
Công ty TNHH Digiworld Venture (i)	-	-	-	602.000.000.000	(96.068.965.370)	505.931.034.630
Công ty TNHH Nexta Capital (i)	425.642.238.912	-	425.642.238.912	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam (ii)	26.995.750.000	-	26.995.750.000	26.995.750.000	-	26.995.750.000
	452.637.988.912	-	452.637.988.912	628.995.750.000	(96.068.965.370)	532.926.784.630
Đầu tư vào công ty khác						
Công ty TNHH Digiworld Venture (i)	40.233.974.607	(17.420.213.524)	22.813.761.083	-	-	-
TỔNG CỘNG	492.871.963.519	(17.420.213.524)	475.451.749.995	628.995.750.000	(96.068.965.370)	532.926.784.630

(i) Công ty TNHH MTV Digiworld Venture ("Venture") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313309149 do SKHĐT cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Venture là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử. Venture có trụ sở đăng ký tại Số 195 – 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Nexta Capital ("Nexta") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0318829328 do SKHĐT cấp ngày 6 tháng 2 năm 2025 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Nexta là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Nexta có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Venture hoàn thành việc chia tách công ty thành 2 công ty bao gồm Venture và Nexta theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2025. Theo đó, Venture sẽ chuyển một phần vốn điều lệ cùng tài sản, quyền và nghĩa vụ tương ứng để thành lập công ty mới là Nexta.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty hoàn thành việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Venture theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 09A/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Venture giảm từ 100% xuống còn 19%. Venture không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty hoàn thành góp vốn thêm vào Nexta bằng tiền với tổng giá trị là 35.400.000.000 VND.

- (ii) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0314800952 do SKHĐT cấp ngày 22 tháng 12 năm 2017, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của B2X là cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý, lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy tính và các dịch vụ máy tính khác. B2X có trụ sở đăng ký tại Số 282 Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của các cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác	3.473.873.326.008	2.215.202.145.037
- <i>Asus Global Pte. Ltd.</i>	1.031.772.003.394	287.085.228.098
- <i>Công ty TNHH Xiaomi Việt Nam</i>	733.816.199.624	31.537.467.380
- <i>Công ty TNHH Apple Việt Nam</i>	708.594.364.805	734.865.076.000
- <i>Lenovo (Singapore) Pt. Ltd</i>	199.931.815.515	29.713.053.637
- <i>Công ty TNHH Công nghệ HP Việt Nam</i>	189.770.628.951	26.378.550.000
- <i>Xiaomi H.K Limited</i>	131.477.871.504	800.527.864.819
- <i>Khác</i>	478.510.442.215	305.094.905.103
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	9.720.008	-
TỔNG CỘNG	<u>3.473.883.046.016</u>	<u>2.215.202.145.037</u>

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Xiaomi H.K Limited	70.554.215.438	88.677.562.487
Công ty Cổ phần Tư vấn Chuyển giao Công nghệ ITC	69.273.061.609	-
Công ty Cổ phần Intekom	68.188.578.215	-
AMD International Sales & Service, Ltd	17.160.042.894	11.799.703.892
Khác	43.428.395.401	33.342.615.836
TỔNG CỘNG	<u>268.604.293.557</u>	<u>133.819.882.215</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	189.313.737.701	3.515.399.191.088	(3.414.470.262.692)	290.242.666.097
Thuế xuất nhập khẩu	690.203.805	39.332.082.427	(38.911.876.411)	1.110.409.821
TỔNG CỘNG	190.003.941.506	3.554.731.273.515	(3.453.382.139.103)	291.353.075.918
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.929.433.592	155.846.519.678	(165.993.434.196)	30.782.519.074
Thuế thu nhập cá nhân	390.239.360	10.101.304.576	(10.011.895.059)	479.648.877
Thuế giá trị gia tăng	722.424	3.417.258.350.665	(3.417.258.312.316)	760.773
Thuế khác	-	4.274.999.307	(4.274.999.307)	-
TỔNG CỘNG	41.320.395.376	3.587.481.174.226	(3.597.538.640.878)	31.262.928.724

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu thương mại và hỗ trợ bán hàng	415.088.302.164	315.301.909.593
Chi phí hoạt động	11.352.411.480	15.349.413.138
Lãi vay	6.043.083.652	1.948.977.218
TỔNG CỘNG	432.483.797.296	332.600.299.949
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	430.197.688.433	314.687.969.991
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	2.286.108.863	17.912.329.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	564.002.834.986	25.471.301.184
Bao thanh toán (*)	522.704.647.375	-
Chi trả hộ	30.304.028.483	19.270.182.199
Nhận ký quỹ, ký cược	3.831.733.700	2.430.000.000
Bảo hiểm	2.957.258.441	2.716.196.275
Khác	4.205.166.987	1.054.922.710
Dài hạn	4.533.629.427	2.533.629.427
Nhận ký quỹ, ký cược	4.533.629.427	2.533.629.427
TỔNG CỘNG	<u>568.536.464.413</u>	<u>28.004.930.611</u>

(*) Số dư cuối năm thể hiện khoản Tiện ích Bao thanh toán Bên bán có cam kết hoàn trả do một ngân hàng thương mại cung cấp để tài trợ cho Công ty đối với các khoản nợ được chuyển giao từ các Bên mua được chấp thuận của Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN

	Vay ngân hàng	Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	Tổng cộng
Số đầu năm	2.374.648.973.947	57.200.000.000	2.431.848.973.947
Tăng trong năm	12.894.842.006.433	-	12.894.842.006.433
Giảm trong năm	(12.558.639.302.405)	(57.200.000.000)	(12.615.839.302.405)
Số cuối năm	2.710.851.677.975	-	2.710.851.677.975

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	763.334.774.400	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2026 đến ngày 3 tháng 3 năm 2026	Từ 4,56 đến 5,15
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	741.637.481.543	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2026 đến ngày 27 tháng 2 năm 2026	Từ 4,3 đến 4,8
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	480.225.488.414	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2026 đến ngày 12 tháng 2 năm 2026	Từ 4,2 đến 4,4
Ngân Hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	411.540.389.213	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2026 đến ngày 18 tháng 6 năm 2026	Từ 4,41 đến 5,6
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	314.113.544.405	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2026 đến ngày 17 tháng 3 năm 2026	5,5
TỔNG CỘNG	2.710.851.677.975		

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	1.672.244.430.000	61.233.761.416	(6.439.937.166)	400.000.000	884.587.698.534	2.612.025.952.784
Mua lại cổ phiếu	-	-	(30.000.000)	-	-	(30.000.000)
Giảm vốn	(197.000.000)	-	197.000.000	-	-	-
Cổ tức công bố bằng cổ phiếu	501.154.260.000	-	-	-	(501.154.260.000)	-
Cổ tức công bố bằng tiền	-	-	-	-	(83.526.637.000)	(83.526.637.000)
Phát hành cổ phiếu ESOP	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	442.192.627.536	442.192.627.536
Số cuối năm	2.193.201.690.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	742.099.429.070	2.990.661.943.320
Năm nay						
Số đầu năm	2.193.201.690.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	742.099.429.070	2.990.661.943.320
Cổ tức công bố bằng tiền (i)	-	-	-	-	(109.584.350.000)	(109.584.350.000)
Phát hành cổ phiếu ESOP (ii)	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	515.030.385.381	515.030.385.381
Số cuối năm	2.213.201.690.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	1.147.545.464.451	3.416.107.978.701

(i) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết 13/2025/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 5 năm 2025 công bố chi trả cổ tức bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu nhận 500 VND) với tổng số tiền là 109.584.350.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(ii) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2025 và Nghị Quyết số 23/2025/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 9 năm 2025 về việc phát hành 2.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm bổ sung vốn lưu động, với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vào ngày 8 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 2.000.000 cổ phiếu này. Vào ngày 14 tháng 10 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty.

Theo đó, Công ty đã thông báo bằng văn bản đến Sở Tài chính về việc thay đổi vốn điều lệ. Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 36 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2025, về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 2.213.201.690.000 VND.

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	2.193.201.690.000	1.672.244.430.000
Giảm vốn	-	(197.000.000)
Cổ tức công bố bằng cổ phiếu	-	501.154.260.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	20.000.000.000	20.000.000.000
Số cuối năm	<u>2.213.201.690.000</u>	<u>2.193.201.690.000</u>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức công bố bằng cổ phiếu	-	501.154.260.000
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	501.154.260.000
Cổ tức công bố bằng tiền	109.584.350.000	83.526.637.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	109.584.350.000	83.526.637.000

19.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	221.320.169	219.320.169
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	221.320.169	219.320.169
Cổ phiếu phổ thông	221.320.169	219.320.169
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu phổ thông	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	221.168.700	219.168.700
Cổ phiếu phổ thông	221.168.700	219.168.700

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	25.577.925.155.748	21.149.689.158.718
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	25.124.102.943.619	20.735.622.242.372
Doanh thu cung cấp dịch vụ	453.822.212.129	414.066.916.346
Các khoản giảm trừ doanh thu	(607.569.160.801)	(497.127.548.465)
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(583.798.891.717)	(464.905.889.474)
Hàng bán bị trả lại	(23.770.269.084)	(32.221.658.991)
DOANH THU THUẦN	24.970.355.994.947	20.652.561.610.253
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	24.516.533.782.818	20.238.494.693.907
Doanh thu cung cấp dịch vụ	453.822.212.129	414.066.916.346
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	24.751.932.200.550	20.406.145.974.681
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	218.423.794.397	246.415.635.572

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Chiết khấu thanh toán	71.356.081.504	53.136.511.819
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	66.096.465.265	81.363.917.962
Lãi từ giao dịch chứng khoán	58.034.909.183	2.728.260.000
Lãi trái phiếu	50.304.410.580	43.732.408.363
Lãi từ cho vay và tiền gửi ngân hàng	14.680.823.285	20.617.327.684
Cổ tức được chia	7.648.350.900	-
Khác	522.708.461	510.919.984
TỔNG CỘNG	268.643.749.178	202.089.345.812

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn hàng bán	22.667.134.975.573	18.553.451.585.773
Giá vốn dịch vụ cung cấp	342.664.207.636	347.122.350.307
TỔNG CỘNG	23.009.799.183.209	18.900.573.936.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	1.143.308.232.718	1.122.414.397.754
Chi phí hỗ trợ bán hàng	967.687.947.205	946.576.423.469
Chi phí nhân công	65.184.392.046	56.800.911.740
Chi phí vận chuyển	47.197.701.606	46.757.779.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.977.788.999	48.557.975.324
Khác	17.260.402.862	23.721.307.242
Chi phí quản lý doanh nghiệp	144.323.147.466	133.273.673.437
Chi phí nhân công	67.916.118.500	62.207.878.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.927.666.560	28.074.116.710
Khác	40.479.362.406	42.991.678.400
TỔNG CỘNG	<u>1.287.631.380.184</u>	<u>1.255.688.071.191</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	135.112.093.534	89.925.940.519
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá trị các khoản đầu tư	90.888.205.000	(15.033.452.250)
Lỗ từ giao dịch chứng khoán	60.540.386.081	32.780.575.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.878.570.610	28.810.529.735
Lỗ do thanh lý công ty con	2.875.034.635	-
Khác	3.231.834.705	2.920.082.852
TỔNG CỘNG	<u>308.526.124.565</u>	<u>139.403.675.856</u>

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	25.913.054.557	1.934.856.129
Thu nhập từ bồi thường	16.495.795.621	1.630.355.128
Khác	9.417.258.936	304.501.001
Chi phí khác	(12.013.169.825)	(6.221.154.464)
Chi phí khấu hao không được khấu trừ	(9.878.573.102)	(5.972.167.384)
Phạt thuế	(1.934.000.837)	-
Khác	(200.595.886)	(248.987.080)
LỢI NHUẬN (LỖ) THUẬN KHÁC	<u>13.899.884.732</u>	<u>(4.286.298.335)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa	22.667.134.975.573	18.900.573.936.080
Chi phí hỗ trợ bán hàng	967.687.947.205	946.576.423.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	414.702.765.403	123.389.872.013
Chi phí nhân công	182.643.741.574	119.008.790.067
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	15.167.489.942	11.622.252.972
Chi phí khác	50.093.643.696	55.090.732.670
TỔNG CỘNG	<u>24.297.430.563.393</u>	<u>20.156.262.007.271</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	150.106.608.889	131.560.599.364
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	5.739.910.789	-
	<u>155.846.519.678</u>	<u>131.560.599.364</u>
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(23.933.964.160)	(19.054.252.297)
TỔNG CỘNG	<u>131.912.555.518</u>	<u>112.506.347.067</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>646.942.940.899</u>	<u>554.698.974.603</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	129.388.588.180	110.939.794.921
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	5.739.910.789	-
Chi phí không được trừ	2.577.363.365	1.446.223.126
Lợi nhuận chưa ghi nhận thuộc diện nộp thuế TNDN	(4.263.636.636)	120.329.020
Thu nhập miễn thuế	(1.529.670.180)	-
Chi phí thuế TNDN	<u>131.912.555.518</u>	<u>112.506.347.067</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả	86.501.188.329	66.523.825.006	19.977.363.323	19.174.325.393
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	26.777.329.844	25.268.619.638	1.508.710.206	(27.039.726)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	3.484.042.705	19.213.793.074	(15.729.750.369)	(93.033.370)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	18.177.641.000	-	18.177.641.000	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>134.940.201.878</u>	<u>111.006.237.718</u>		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>23.933.964.160</u>	<u>19.054.252.297</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đoàn Hồng Việt Bà Đặng Kiện Phương Bà Tô Hồng Trang	Chủ tịch Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT/
Ông Nguyễn Duy Tùng	Chủ tịch Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị Thành viên HĐQT/
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị Chị của Thành viên HĐQT
Bà Tô Tiểu Yến Công ty TNHH Nexta Capital Công ty TNHH Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp Công ty con trực tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina Công ty TNHH MTV DPharma Công ty Cổ phần Achison Công ty Cổ phần Việt Money Holdings	Công ty con trực tiếp Công ty con gián tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH MTV Giải pháp Bất động sản Việt Land	Công ty con gián tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Việt Technologies	Công ty con gián tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín Công ty TNHH MTV Created Future Công ty TNHH MTV DHV Công ty TNHH MTV DKP Công ty TNHH MTV TOHT	Công ty con gián tiếp Công ty liên kết gián tiếp Cùng thành viên quản lý chủ chốt Cùng thành viên quản lý chủ chốt Cùng thành viên quản lý chủ chốt Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Thu tiền cho vay	229.476.760.548	168.895.972.780
	Cho vay	55.940.035.559	239.165.089.677
	Lãi cho vay	4.130.699.110	4.047.817.012
	Mua hàng hóa	1.294.599.137	1.141.016.894
	Cung cấp dịch vụ	230.090.850	225.621.000
	Bán hàng hóa	53.305.002	54.566.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>
			<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Thu tiền cho vay	215.450.000.000	120.000.000.000
	Cho vay	193.450.000.000	113.500.000.000
	Bán hàng hóa	92.796.321.869	144.001.341.890
	Mua hàng hóa	92.076.682.590	2.820.033.766
	Lãi cho vay	2.192.990.087	1.817.901.368
	Mua dịch vụ	103.344.885	985.717.821
	Cung cấp dịch vụ	92.593	-
Công ty Cổ phần Achison	Thu tiền cho vay	36.400.000.000	196.279.367.040
	Cho vay	18.800.000.000	148.879.367.040
	Bán hàng hóa	4.309.054.047	12.156.290.168
	Lãi cho vay	199.213.014	2.826.833.453
	Mua dịch vụ	-	571.779.959
	Cung cấp dịch vụ	-	32.600.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Bán hàng hóa	118.186.737.450	88.716.686.543
	Cung cấp dịch vụ	2.121.921.225	1.203.378.090
Công ty TNHH Một Thành viên Dpharma	Mua dịch vụ	5.229.816.420	5.247.727.283
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	644.511.884	18.333.334
	Bán hàng hóa	19.490.379	-
Công ty Cổ phần Việt Money (*)	Cho vay	10.525.833.333	98.060.733.334
	Thu tiền cho vay	8.500.000.000	79.000.000.000
	Lãi cho vay	2.241.805.621	10.100.913.512
	Bán hàng hóa	7.723.644	-
Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản Xuất Bellvina	Cung cấp dịch vụ	-	6.818.182
Công ty TNHH Nexta Capital	Góp vốn	35.400.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	54.545.454	-
Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture	Cán trừ nợ vay	57.200.000.000	-
	Vay	-	57.200.000.000
	Chi phí lãi vay	-	138.301.370
Bà Tô Tiểu Yến	Thuê nhà	210.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	15.415.702.591	37.773.606.356
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	13.744.113.747	26.294.839.583
Công ty Cổ phần Achison	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	118.570.401	2.872.896.085
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	56.671.464	-
		29.335.058.203	66.941.342.024
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Cho vay	15.492.391.908	189.029.116.897
Công ty Cổ phần Việt Money (*)	Cho vay	-	66.860.733.334
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Cho vay	-	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Achison	Cho vay	-	17.600.000.000
		15.492.391.908	295.489.850.231
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Lãi cho vay	16.743.308	196.024.244
Công ty Cổ phần Việt Money (*)	Lãi cho vay	-	256.661.956
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Lãi cho vay	-	220.376.712
Công ty Cổ phần Achison	Lãi cho vay	-	31.536.986
		16.743.308	704.599.898

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty Cổ phần Việt Money không còn là công ty con gián tiếp của Công ty (Thuyết minh số 7).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu dài hạn khác</i>			
Công ty TNHH Một Thành viên Dpharma	Ký quỹ, ký cược	<u>3.742.457.104</u>	<u>3.742.457.104</u>
<i>Trả trước người bán ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Mua dịch vụ	<u>-</u>	<u>271.254.250</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Mua dịch vụ	<u>9.720.008</u>	<u>-</u>
<i>Vay ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture	Vay	<u>-</u>	<u>57.200.000.000</u>
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Chiết khấu thương mại	<u>2.286.108.863</u>	<u>17.857.480.643</u>
Công ty TNHH Một Thành Viên Digiworld Venture	Chi phí lãi vay	<u>-</u>	<u>54.849.315</u>
		<u>2.286.108.863</u>	<u>17.912.329.958</u>

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Thù lao</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	200.863.000	194.797.639
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	204.516.000	198.275.228
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	192.452.000	186.109.000
Ông Shekhar Himanshu	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 9 năm 2024)	-	1.133.787.004
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	120.000.000	120.000.000
TỔNG CỘNG		<u>837.831.000</u>	<u>1.952.968.871</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	52.250.213.994	27.521.397.678
Từ 1 năm đến 5 năm	77.198.242.385	171.133.323.249
Trên 5 năm	11.000.000	3.926.584.431
TỔNG CỘNG	<u>129.459.456.379</u>	<u>202.581.305.358</u>

Bảo lãnh

Công ty đã thực hiện bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology, Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L và Công ty Cổ phần Achison với số tiền tối đa lần lượt là 80.000.000.000 VND, 200.000.000.000 VND và 280.000.000.000 VND.

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

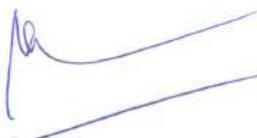
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2026



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đặng Kiện Phương
Tổng Giám đốc

